

CÔNG KHAI TỔNG THU NHẬP CB - GV - NV THÁNG 1/2025

STT	Họ và tên	Cấp bậc chức vụ	LƯƠNG NGÂN SÁCH	Phụ trợ tháng 12/2024	NVND tháng 1.2025	NVND tháng 12/2024 (ngân sách)	Trợ PC + Khen thưởng	Tiền tái TP	Tiền tái thưởng (QPL)	NG08 Q4/2024	Thăng thu nhập năm 2024	PVBT 1/2025	PVAS 1/2025	TỔNG THU NHẬP	Ký tên
1	Nguyễn Thị Kim Ngân	Hiệu trưởng	21.925.107	2.176.947			2.340.000	1.800.000	1.700.000	57.267.245	7.458.828	2.700.050	1.283.987	98.652.164	
2	Nguyễn Thị Xuân Phương	Phó HT	17.091.367	1.730.659			2.340.000	1.800.000	1.700.000	36.560.160	10.773.862	2.345.745	1.115.500	75.457.293	
13	Hồ Ngọc Anh	Phó HT	14.067.922	1.304.171			5.850.000	1.800.000	1.700.000	34.691.960	9.530.724	2.345.745	1.115.500	72.406.022	
3	Vũ Đình Uyên Phương	GV - KT nhà trẻ	22.383.312	2.154.758				1.800.000	1.500.000	54.545.400	9.530.724	2.076.961	1.185.219	95.176.375	
4	Lê Phạm Tường Vân	GV-KT mầm	22.383.312	2.157.824				1.800.000	1.500.000	54.545.400	9.116.345	1.954.787	1.022.542	94.480.210	
5	Nguyễn Thị Mai Phương	Giáo viên	21.578.937	2.074.511				1.800.000	1.500.000	41.951.520	9.530.724	2.076.961	987.682	81.500.336	
6	Nguyễn Thị Xuân Hồng	Giáo viên	21.554.660	3.257.862			1.550.000	1.800.000	1.500.000	14.040.000	690.632	2.076.961	987.682	47.457.798	
7	Hoàng Thị Ngọc Chi	Giáo viên	15.733.503	1.439.502				1.800.000	1.500.000	38.539.800	9.530.724	2.076.961	1.086.451	71.706.941	
8	Lê Phương Thảo Ly	Giáo viên	15.350.245	1.376.524				1.800.000	1.500.000	30.831.840	9.116.345	2.076.961	1.185.219	63.237.134	
9	Huỳnh Thị Cẩm Tú	Giáo viên	22.997.726	2.287.051				1.800.000	1.500.000	44.799.272	9.116.345	2.076.961	1.185.219	85.762.574	
10	Đinh Thị Hoa	Giáo viên	22.234.543	2.154.162			2.340.000	1.800.000	1.500.000	42.878.160	9.530.724	1.710.439	813.386	84.961.414	
11	Nguyễn Thị Thu Trang	Giáo viên	19.524.269	1.892.664				1.800.000	1.500.000	48.227.400	9.530.724	2.076.961	1.185.219	85.737.238	
12	Trần Đăng Ngọc Hương	Giáo viên	12.847.879	1.121.239				1.800.000	1.500.000	25.524.720	9.116.345	2.076.961	1.086.451	55.073.595	
14	Nguyễn Ngọc Tường Vy	Giáo viên	11.578.061	962.275				1.800.000	1.500.000	22.407.618	9.116.345	2.015.874	958.633	50.338.806	
15	Vũ Thị Thủy Dung	Giáo viên	11.521.095	983.982				1.800.000	1.500.000	28.434.052	9.945.104	2.076.961	987.682	57.248.876	
16	Nguyễn Thị Kim Ngân	Giáo viên	10.233.269	833.065				1.800.000	1.500.000	18.324.087	9.116.345	2.076.961	1.086.451	44.970.178	
17	Nguyễn Thanh Thảo	Giáo viên	10.233.265	840.902				1.800.000	1.500.000	25.377.300	9.116.345	2.076.961	987.682	51.932.456	
18	Trịnh Thị Diễm Dung	Giáo viên	11.578.061	997.681				1.800.000	1.500.000	22.581.203	9.116.345	1.954.787	929.583	50.457.661	
19	Trần Phạm Ngọc Thắm	Giáo viên	8.896.430	730.557				1.800.000	1.500.000	21.762.000	9.530.724	2.076.961	987.682	47.284.355	

STT	Họ và tên	Cấp bậc chức vụ	LƯƠNG NGÂN SÁCH	Phụ trợ tháng 12/2024	NVND tháng 1.2025	NVND tháng 12.2024 (tính sách)	Truy PC + Khiếu thường	Tiền Tắt TP	Tiền Tắt thường (QPL)	NGOẠI QU/2024	Tổng thu nhập năm 2024	PVBT /2025	PVAS /2025	TỔNG THU NHẬP	Ký tên
20	Trần Thị Thu Ngân	Giáo viên	8.716.268	1.076.408				1.800.000	1.500.000	5.752.188	345.316	2.076.961	987.682	22.254.824	
21	Dương Thị Hoa	Cấp dưỡng	10.342.098	947.456				1.800.000	1.700.000	32.516.640	9.116.345	2.076.961	987.682	59.487.183	
22	Trần Tăng Hải	Cấp dưỡng - TT bếp	10.342.098	743.161				1.800.000	1.700.000	31.038.611	9.116.345	1.893.700	900.534	57.534.449	
23	Tô Mỹ Châu	NV nuôi dưỡng	7.354.600					1.800.000	1.700.000	4.800.000	9.116.345	2.076.961	987.682	27.835.589	
24	Phạm Trà Dũng	Bảo vệ	5.309.200					1.800.000	1.700.000	4.730.435	9.530.724	1.869.265	790.146	25.729.770	
25	Nguyễn Văn Phú	Bảo vệ	4.789.200					1.800.000	1.700.000	4.800.000	9.116.345	1.869.265	790.146	24.864.956	
26	Lê Thị Bích Thủy	NVPV			6.520.000	2.340.000								8.860.000	
27	Lê Thị Duyên	Văn Thư - Thủ quỹ	5.385.393	493.363				1.800.000	1.700.000	16.932.240	9.116.345	2.076.961	888.914	38.393.216	
28	Phạm Thị Kiều Hạnh	Kế toán	8.057.556	716.727				1.800.000	1.700.000	30.747.600	10.359.483	2.076.961	987.682	56.446.010	
29	Nguyễn Thị Lâm	NVND - Y tế			6.520.000	2.340.000		1.800.000						10.660.000	
30	Tô Kim Ngân	NV nuôi dưỡng			6.520.000	2.340.000		1.800.000						10.660.000	
31	Trần Thị Thắm	NVPV	0		6.520.000			1.800.000						8.320.000	
	Tổng cộng		374.009.376	34.453.451	26.080.000	7.020.000	14.420.000	54.000.000	42.500.000	794.606.851	234.331.503	55.968.000	27.498.240	1.664.887.421	

Kế Toán

Phạm Thị Kiều Hạnh

Phạm Thị Kiều Hạnh

